

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế về công tác đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 447/NQ-HĐTV ngày 24/9/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc Quy chế về công tác đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế về công tác đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 126/QĐ-EVN ngày 26/7/2017 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) về việc ban hành Quy chế về công tác đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

Điều 3. Tổng giám đốc EVN, các Phó Tổng giám đốc EVN, Trưởng các ban thuộc Hội đồng thành viên EVN, Chánh Văn phòng, Trưởng các ban chức năng thuộc Cơ quan EVN, Giám đốc các đơn vị trực thuộc EVN; Hội đồng thành viên/Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc/Giám đốc Công ty TNHH MTV cấp II và Công ty TNHH MTV cấp III; Người đại diện phần vốn của EVN, của Công ty

TNHH MTV cấp II tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TH, QLĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**

Dương Quang Thành

**QUY CHẾ
VỀ CÔNG TÁC ĐẤU THẦU SỬ DỤNG CHI PHÍ SẢN XUẤT
KINH DOANH TRONG TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC QUỐC GIA VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-EVN ngày ... tháng 9 năm 2021 của
Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam)*

**CHƯƠNG 1
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định và áp dụng đối với các hoạt động đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hoá, xây lắp, gói thầu hỗn hợp phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh nhằm duy trì hoạt động của các đơn vị, gồm:

- Sửa chữa tài sản cố định;
- Mua sắm nhiên liệu, đá vôi và dầu mỡ kỹ thuật;
- Các chương trình nghiên cứu phát triển, chương trình khôi phục và bảo vệ môi trường;
- Mua sắm khác.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy chế này được áp dụng đối với:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các đơn vị trực thuộc EVN;
- Công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ (viết tắt là "Công ty TNHH MTV cấp II") và các đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV cấp II;
- Các công ty con do Công ty TNHH MTV cấp II nắm giữ 100% vốn điều lệ (viết tắt là "Công ty TNHH MTV cấp III");
- Người đại diện phần vốn góp của EVN, Công ty TNHH MTV cấp II tại các công ty cổ phần, công ty liên kết.

b) Quy chế này là cơ sở để Người đại diện phần vốn góp của EVN, Người đại diện phần vốn góp của Công ty TNHH MTV cấp II tại các công ty con, công ty liên

kết có ý kiến trong việc biểu quyết các nội dung liên quan đến đấu thầu của đơn vị mình.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ và ký hiệu viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. Luật Đấu thầu: Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và các sửa đổi, bổ sung (nếu có);
2. Quy định của Luật Đấu thầu: là quy định trong Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cũng như các sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn (nếu có);
3. Người có thẩm quyền: là người quyết định các hoạt động mua sắm căn cứ trên kế hoạch sản xuất kinh doanh được duyệt, nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, đáp ứng các chỉ tiêu kế hoạch và đạt hiệu quả cao nhất. Người có thẩm quyền là người phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc được người phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh phân cấp, ủy quyền, giao nhiệm vụ;
4. Người mua: là đơn vị được giao tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trong quy trình lựa chọn nhà thầu, Người mua có vai trò, quyền và nghĩa vụ như Chủ đầu tư theo Quy định của Luật Đấu thầu;
5. Bên mời thầu: là Người mua hoặc đơn vị/bộ phận được Người mua giao nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số nội dung trong quy trình mua sắm phục vụ sản xuất kinh doanh;
6. Đơn vị quản lý tài sản: là đơn vị được giao quản lý tài sản, vận hành, sử dụng và duy tu, sửa chữa các tài sản đó để phục vụ cho hoạt động SXKD;
7. Tư vấn đấu thầu: là tổ chức hoặc cá nhân được Người có thẩm quyền/ Người mua/Bên mời thầu thuê để tư vấn về các nội dung trong quá trình lựa chọn nhà thầu;
8. Hoạt động mua sắm sử dụng chi phí SXKD: gồm mua sắm hàng hóa, các dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp và các hoạt động khác có tính chất tương tự sử dụng chi phí SXKD;
9. Dịch vụ tư vấn: như dịch vụ tư vấn được định nghĩa tại Khoản 8 Điều 4 Luật Đấu thầu;
10. Dịch vụ phi tư vấn: như dịch vụ phi tư vấn được định nghĩa tại Khoản 9 Điều 4 Luật Đấu thầu;
11. Tài sản cố định: là tài sản được nhận biết theo Điều 3, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định sửa đổi, bổ sung (nếu có);
12. Nhiên liệu: bao gồm các loại than, khí đốt và dầu đốt (FO, DO);

13. Dầu mỡ kỹ thuật: bao gồm dầu cách điện, dầu làm mát, dầu bôi trơn và mỡ các loại và dầu mỡ kỹ thuật khác;
14. Mua sắm nhỏ lẻ: là hoạt động mua sắm theo quy định tại Điều 33 Quy chế này.
15. Tổng công ty: gồm các Tổng công ty Phát điện, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, các Tổng công ty Điện lực do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ;
16. Đơn vị: bao gồm EVN và các đơn vị trực thuộc EVN, các Công ty TNHH MTV cấp II và các đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV cấp II, Công ty TNHH MTV cấp III và các đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV cấp III;
17. HSMQT: Hồ sơ mời quan tâm;
18. HSMST: Hồ sơ mời sơ tuyển;
19. HSMT: là Hồ sơ mời thầu, hoặc Hồ sơ yêu cầu, hoặc Bản yêu cầu báo giá theo Quy định của Luật Đấu thầu;
20. Mẫu HSMT: là các mẫu HSMT được ban hành kèm theo Quy định của Luật Đấu thầu và của EVN;
21. HSDT: là Hồ sơ dự thầu hoặc Hồ sơ đề xuất hoặc Báo giá;
22. KHLCNT: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
23. KQLCNT: Kết quả lựa chọn nhà thầu;
24. SXKD: Sản xuất kinh doanh;
25. EVN: Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
26. HĐTV: Hội đồng thành viên;
27. EVNPSC: Trung tâm dịch vụ sửa chữa EVN.

Những từ, chữ viết tắt khác không được định nghĩa, giải thích tại Quy chế này thì được hiểu, giải nghĩa theo quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, quy chế quản lý nội bộ của EVN, Bộ Luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu thầu và các văn bản pháp luật khác của nhà nước ban hành còn hiệu lực.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Công tác lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu sử dụng chi phí SXKD thực hiện theo nội dung quy định tại Quy chế này.
2. Trường hợp các gói thầu có nguồn vốn hỗn hợp nhưng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu thì áp dụng theo quy định của Quy chế này.
3. Quy trình thực hiện nếu không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Trường hợp sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu là ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề kinh doanh có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của EVN, các Tổng công ty và là đầu ra của công ty này, đồng thời là đầu vào của công ty kia trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam thì EVN và các doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam được phép tham dự quá trình lựa chọn nhà thầu của nhau.

Điều 5. Thỏa thuận của EVN về các nội dung chính trong đấu thầu

Người đại diện phân vốn góp của EVN, Công ty TNHH MTV cấp II tại công ty con, công ty liên kết, có trách nhiệm biểu quyết theo thẩm quyền hoặc trong trường hợp vượt thẩm quyền thì xin ý kiến của HĐQT EVN, Chủ tịch hoặc HĐQT Công ty TNHH MTV cấp II bằng văn bản trước khi biểu quyết hoặc thỏa thuận về KHLCNT và KQLCNT của công ty con, công ty liên kết.

CHƯƠNG 2

LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 6. Quy trình lựa chọn nhà thầu

Quy trình lựa chọn nhà thầu thực hiện tương tự như Quy định của Luật Đấu thầu và bao gồm các bước sau:

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu.
2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu.
3. Hoàn thiện, ký kết và triển khai thực hiện hợp đồng.

Điều 7. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu bắt đầu từ công tác lập, duyệt kế hoạch SXKD; lập, thẩm định, phê duyệt KHLCNT, thiết kế, nhiệm vụ kỹ thuật và dự toán (trong trường hợp cần thiết) đến khi lập, thẩm định và phê duyệt HSMT.

2. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu bao gồm cả các công việc lựa chọn danh sách ngân (trong trường hợp cần thiết); xác định tên Nhà thầu dự kiến mời chỉ định thầu trong trường hợp chỉ định thầu.

Điều 8. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Nguyên tắc lập KHLCNT

a) KHLCNT phải được lập, trình Người có thẩm quyền phê duyệt đồng thời hoặc ngay sau khi có các căn cứ để lập KHLCNT;

b) Việc phân chia các gói thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự triển khai thực hiện của hoạt động mua sắm. Quy mô của gói thầu phải phù hợp với năng lực của các nhà thầu trên thị trường để đảm bảo tính cạnh tranh của công tác đấu thầu.

2. Căn cứ lập KHLCNT

a) Đối với công tác sửa chữa tài sản cố định, KHLCNT phải được lập trên cơ sở phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa hoặc dự toán hạng mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với các hoạt động mua sắm sử dụng chi phí SXKD khác, KHLCNT được lập trên cơ sở kế hoạch SXKD được duyệt. Trường hợp hoạt động mua sắm cần thiết phải thực hiện trước khi kế hoạch SXKD được duyệt, căn cứ lập KHLCNT là chủ trương cho phép thực hiện của cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch SXKD đó.

3. Nội dung KHLCNT bao gồm các nội dung phân chia gói thầu, tên gói thầu, nguồn vốn, giá gói thầu, hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu và thời gian thực hiện hợp đồng.

4. KHLCNT có thể phê duyệt cùng với kế hoạch SXKD hàng năm hoặc phương án kỹ thuật đối với sửa chữa tài sản cố định. Trường hợp chưa thể lập và phê duyệt KHLCNT cho toàn bộ hoạt động mua sắm dự kiến thì có thể phê duyệt KHLCNT theo từng đợt khi có đủ điều kiện.

5. Người có thẩm quyền phải tổ chức thẩm định KHLCNT trước khi phê duyệt.

6. Việc lựa chọn nhà thầu chỉ được tiến hành trên cơ sở KHLCNT đã được phê duyệt cho gói thầu đó. Đối với trường hợp Mua sắm nhỏ lẻ được quy định tại Điều 33 Quy chế này thì KHLCNT có thể thay thế bằng đề xuất mua sắm được duyệt.

Điều 9. Hồ sơ mời thầu và tiêu chuẩn đánh giá thầu

1. Công tác soạn thảo HSMT và tiêu chuẩn đánh giá thầu phải đảm bảo tính minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả của công tác đấu thầu. Nghiêm cấm đưa vào HSMT các tiêu chí làm mất tính cạnh tranh của hoạt động mua sắm sử dụng chi phí SXKD. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật theo quy định. HSMT phải quy định rõ trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy chế này.

2. Đối với những hạng mục công việc quan trọng trong gói thầu cần phải được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng và tiến độ thì trong HSMT phải có quy định yêu cầu cụ thể về năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu trực tiếp thực hiện hạng mục công việc đó (Nhà thầu chính hoặc Nhà thầu phụ).

3. HSMT phải quy định rõ tên, địa chỉ liên lạc của các đối tượng liên quan trong quy trình lựa chọn nhà thầu và quản lý thực hiện hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn các đối tượng sau:

- a) Người có thẩm quyền;
- b) Người mua;
- c) Bên mời thầu;
- d) Đơn vị giải quyết kiến nghị đấu thầu, bộ phận thường trực và tài khoản nhận tiền bảo đảm;
- e) Các đối tượng liên quan khác.

4. Tiêu chuẩn đánh giá thầu là một phần không tách rời của HSMT và được lập phù hợp với các Quy định của Luật Đấu thầu và Mẫu HSMT.

5. Tiêu chuẩn đánh giá thầu phải được quy định chi tiết, đầy đủ trong HSMT và là cơ sở để đánh giá các HSDT. Sau thời điểm đóng thầu, không được phép thay đổi tiêu chuẩn đánh giá thầu so với tiêu chuẩn đã công bố trong HSMT và các tài liệu làm rõ, bổ sung HSMT trước thời điểm đóng thầu.

6. Các quy định về năng lực, kinh nghiệm đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và vừa phải phù hợp với các quy định pháp luật liên quan đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong một số trường hợp có thể cho phép không quy định về kinh nghiệm tương tự nếu doanh nghiệp nhỏ/vừa chứng minh được năng lực đáp ứng yêu cầu của gói thầu.

7. Trong trường hợp áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc theo đơn giá điều chỉnh thì HSMT phải quy định cụ thể giá trị chi phí dự phòng và nguyên tắc sử dụng trong dự thảo Hợp đồng để làm cơ sở thực hiện Hợp đồng. HSMT phải quy định rõ giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí dự phòng này.

Điều 10. Tổ chuyên gia

1. Tổ chuyên gia đấu thầu do Bên mời thầu quyết định thành lập phải gồm những thành viên phù hợp về chuyên môn và năng lực tương ứng với nội dung của gói thầu. Tiêu chuẩn của các thành viên Tổ chuyên gia phải đáp ứng yêu cầu như Quy định của Luật Đấu thầu.

2. Nhiệm vụ cụ thể của Tổ chuyên gia được quy định chi tiết trong quyết định thành lập. Tổ chuyên gia tiến hành đánh giá các HSDT của nhà thầu và lập báo cáo đánh giá thầu trình Bên mời thầu. Tổ chuyên gia có thể được giao thêm các nhiệm vụ khác nhiệm vụ đánh giá thầu trong quá trình đấu thầu, có thể được thành lập để thực hiện một gói thầu hoặc giao thực hiện nhiều gói thầu. Các thành viên của tổ chuyên gia không được tham gia thẩm định HSMT do mình lập và KQLCNT do mình đánh giá.

3. Trong trường hợp Bên mời thầu thuê tư vấn đấu thầu, nhiệm vụ của tổ chuyên gia và tư vấn, quyền hạn và trách nhiệm cụ thể của các bên phải được phân định rõ trong hợp đồng thuê tư vấn.

4. Người ký quyết định phê duyệt KQLCNT, HSMT không được kiêm người thẩm định và người ký trình các nội dung trên. Người ký quyết định phê duyệt KQLCNT (đối với tất cả các hình thức lựa chọn nhà thầu) không được kiêm nhiệm đánh giá thầu, thẩm định và trình KQLCNT.

5. Đối với Mua sắm nhỏ lẻ, khi phê duyệt đề xuất mua sắm, cấp có thẩm quyền sẽ chỉ định một hoặc một số cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện công tác mua sắm. Không bắt buộc thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu đối với Mua sắm nhỏ lẻ.

Điều 11. Mở thầu

Ngay sau khi mở thầu (bao gồm cả mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và mở hồ sơ đề xuất về tài chính), Bên mời thầu gửi báo cáo cho Người mua về công tác mở thầu và

kèm theo bản chụp Biên bản mở thầu (bản in đối với đấu thầu qua mạng) và bản sao HSDT (E-HSDT) của các nhà thầu đã được mở thầu.

Điều 12. Đánh giá HSDT

1. Tổ chuyên gia thực hiện việc đánh giá thầu và lập báo cáo trình Bên mời thầu. Báo cáo kết quả đánh giá HSDT do tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ký hoặc do tổ trưởng tổ chuyên gia ký trình kèm theo biên bản xác nhận của tất cả các thành viên tổ chuyên gia.

2. Sau khi có báo cáo xếp hạng của Tổ chuyên gia, Bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất vào tiến hành thương thảo hợp đồng trước khi trình, thẩm định, phê duyệt KQLCNT. Không cần tiến hành phê duyệt xếp hạng nhà thầu trước khi thương thảo hợp đồng.

3. Trong trường hợp đấu thầu chỉ có 01 nhà thầu tham gia hoặc chỉ có 01 nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật thì hủy thầu và tổ chức đấu thầu lại, trừ trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 27 Quy chế này. Quy định này không áp dụng đối với đấu thầu lựa chọn nhà thầu hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 13. Thẩm định

1. Các nội dung bắt buộc phải tổ chức thẩm định trước khi phê duyệt gồm KHLCNT, HSMT (trừ Bản yêu cầu báo giá), HSMQT, HSMST, kết quả đánh giá Hồ sơ đề xuất kỹ thuật, KQLCNT.

2. Tùy tính chất, quy mô của gói thầu, Người mua giao nhiệm vụ cho cá nhân hoặc đơn vị/bộ phận hoặc thuê đơn vị tư vấn thực hiện công tác thẩm định. Tư vấn hoặc người được giao thẩm định phải độc lập với người đã soạn thảo nội dung trình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ như Quy định của Luật Đấu thầu. Tiêu chuẩn cá nhân tham gia thẩm định đấu thầu theo quy định về tiêu chuẩn đối với các cá nhân tham gia Tổ chuyên gia theo Quy định của Luật Đấu thầu.

3. Trường hợp Mua sắm nhỏ lẻ theo quy định Chương 5 Quy chế này không bắt buộc thực hiện công tác thẩm định.

Điều 14. Đấu thầu đồng thời 02 hoặc nhiều gói thầu

Đấu thầu đồng thời 02 hoặc nhiều gói thầu thực hiện theo quy định sau:

1. Trong trường hợp tiến hành đấu thầu rộng rãi hoặc chào hàng cạnh tranh 02 gói thầu hoặc nhiều hơn vào cùng một thời điểm (không phân biệt nguồn vốn) thì Bên mời thầu được phép tự quyết định việc áp dụng đấu thầu đồng thời mà không cần trình duyệt lại KHLCNT các gói thầu này.

2. Trên cơ sở các HSMT của các gói thầu đã được duyệt, Bên mời thầu lập bổ sung hướng dẫn chung cho các nhà thầu về việc đấu thầu đồng thời các gói thầu này và trình cấp phê duyệt HSMT xem xét phê duyệt để thực hiện.

3. Việc đấu thầu đồng thời tương tự như đấu thầu gói thầu được chia thành nhiều thành phần theo Quy định của Luật Đấu thầu. Các nội dung và quy trình đấu thầu tuân thủ Quy định của Luật Đấu thầu.

4. Trong trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp giá đánh giá, Bên mời thầu xem xét có thể đưa thêm điều kiện cho phép các nhà thầu chào nhiều hơn 01 gói thầu được phép chào giảm giá trong trường hợp dự kiến được trao thầu nhiều hơn 01 gói thầu (còn gọi là giảm giá chéo có điều kiện) vào nội dung HSMT để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt HSMT trước khi phát hành. Việc đánh giá thầu tiến hành riêng rẽ cho từng gói thầu, tương tự như đánh giá từng phần riêng biệt của gói thầu theo Quy định của Luật Đấu thầu, sau đó xét chọn nhà thầu trên cơ sở tuân thủ đồng thời các nguyên tắc sau:

- a. Nhà thầu đảm bảo có đủ năng lực thực hiện đồng thời các gói thầu được giao.
- b. Tổng giá đề nghị trúng thầu (trong trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất) hay tổng giá đánh giá (trong trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá) của tất cả các gói thầu được tổ chức đấu thầu đồng thời đang kiến nghị trúng thầu sau khi trừ phần giảm giá có điều kiện nêu trên (nếu có) là nhỏ nhất.
- c. Giá đề nghị trúng thầu mỗi gói thầu không được cao hơn giá gói thầu tương ứng.
- d. Nhà thầu chỉ được trao trúng thầu đối với gói thầu được đánh giá đạt yêu cầu qua tất cả các bước đánh giá và xếp hạng (không nhất thiết xếp hạng 1 trong gói thầu riêng rẽ).

5. Trong trường hợp một nhà thầu được đề xuất trúng thầu nhiều hơn 1 gói thầu, trong bước thương thảo hợp đồng, Bên mời thầu cần tiến hành hậu kiểm để kiểm tra năng lực tài chính, kỹ thuật thực hiện các gói thầu của nhà thầu này. Trong trường hợp năng lực của nhà thầu này không đáp ứng yêu cầu thực hiện tất cả các gói thầu mà nhà thầu được đề xuất trúng thầu thì Bên mời thầu cần tiến hành đánh giá thầu lại theo các quy định hiện hành đảm bảo tính cạnh tranh và lợi ích cao nhất của Người mua.

Điều 15. Hợp đồng

1. Loại hợp đồng: áp dụng các loại hợp đồng theo Quy định trong Luật Đấu thầu. Đối với các gói thầu quy mô nhỏ không bắt buộc phải áp dụng loại hợp đồng trọn gói, cho phép các đơn vị căn cứ tính chất của gói thầu (không phân biệt quy mô) lựa chọn các loại hợp đồng phù hợp.

2. Thay đổi hợp đồng: Trong quá trình thực hiện nếu có các thay đổi, bổ sung so với điều kiện quy định trong hợp đồng đã ký thì hai bên phải thống nhất để ký phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

3. Phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho các nội dung thay đổi về giá và phạm vi công việc phải trình cấp phê duyệt KQLCNT của hợp đồng này trước khi ký kết.

Điều 16. Lựa chọn nhà thầu qua mạng

Khuyến khích các đơn vị tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia đối với tất cả các gói thầu. Việc lựa chọn nhà thầu qua mạng thực hiện đối với các gói thầu đã được xác định hình thức lựa chọn nhà thầu qua mạng

(trong KHLCNT) và các gói thầu khác nếu điều kiện hạ tầng cho phép (trong trường hợp này không cần phê duyệt hiệu chỉnh KHLCNT).

Điều 17. Thanh tra, kiểm tra trong đấu thầu

1. Việc thanh tra, kiểm tra công tác đấu thầu sử dụng chi phí SXKD thực hiện theo quy định về công tác thanh tra, kiểm tra của EVN, Quy chế này và các quy định pháp luật liên quan.

2. EVN xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác đấu thầu định kỳ hàng năm.

3. Các đơn vị có nghĩa vụ lập và triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác đấu thầu định kỳ hàng năm tại các đơn vị do mình quản lý.

Điều 18. Báo cáo, lưu trữ và bảo mật

1. Báo cáo định kỳ hàng năm: các đơn vị lập và gửi báo cáo về tình hình thực hiện công tác đấu thầu từ đầu năm đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó về Tập đoàn theo mẫu quy định để theo dõi, tổng hợp báo cáo HĐTV EVN và các cơ quan quản lý nhà nước trước ngày 31 tháng 1 năm tiếp theo. Ngoài ra, các đơn vị phải lập báo cáo đột xuất theo yêu cầu của EVN.

2. Hồ sơ, tài liệu đấu thầu được bảo mật, lưu trữ và bảo quản theo Quy định của Luật Đấu thầu và các quy định của EVN về chế độ bảo mật, lưu trữ.

Điều 19. Thông tin Đấu thầu

1. Tất cả các nội dung thông tin đấu thầu cần được đăng tải như được nêu trong Luật Đấu thầu phải được cập nhật và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia và/hoặc tờ báo đấu thầu của Bộ Kế hoạch & Đầu tư và trên trang thông tin điện tử đấu thầu của EVN. Khuyến khích tiến hành đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng khác để tăng tính cạnh tranh và minh bạch trong đấu thầu.

2. Thời gian và quy trình đăng tải thông tin thực hiện theo như Quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 20. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Việc kiến nghị và giải quyết kiến nghị trong đấu thầu thực hiện như Quy định của Luật Đấu thầu.

2. Người có thẩm quyền có thể lập hội đồng tư vấn hoặc có thể giao cho bộ phận nghiệp vụ của mình độc lập với các bộ phận xét thầu thực hiện thẩm định và tư vấn để giải quyết các kiến nghị về KQLCNT. Trong HSMT cần phải xác định và nêu rõ tên, địa chỉ của các đơn vị nêu trên để phục vụ cho việc trao đổi thông tin thuận lợi.

CHƯƠNG 3

CÁC HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 21. Nguyên tắc chung

1. Hình thức đấu thầu rộng rãi được áp dụng cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, trừ các trường hợp Quy chế này quy định cụ thể. Khuyến khích áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu qua mạng khi điều kiện cho phép.

2. Hình thức đấu thầu hạn chế áp dụng tương tự như Quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 22. Chào hàng cạnh tranh

1. Hình thức chào hàng cạnh tranh áp dụng đối với các gói thầu không giới hạn về giá trị, gồm:

a. Mua sắm hàng hoá thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hoá, tương đương nhau về chất lượng;

b. Dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản.

c. Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

2. Cho phép áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh rút gọn đối với các gói thầu phi tư vấn có giá trị dưới 500 triệu đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt có giá trị dưới 01 tỷ đồng nếu thấy cần thiết.

Điều 23. Tự thực hiện

1. Tự thực hiện là việc Đơn vị quản lý tài sản/Người mua thông qua thỏa thuận bằng văn bản giao cho bộ phận, đơn vị hạch toán phụ thuộc trong đơn vị mình hoặc cùng hạch toán phụ thuộc một đơn vị cấp trên để thực hiện một hoặc nhiều gói thầu do mình quản lý. Điều kiện áp dụng và quy trình tiến hành hình thức tự thực hiện áp dụng như Quy định của Luật Đấu thầu.

2. Việc giám sát đối với hình thức tự thực hiện như Quy định của Luật Đấu thầu. Không bắt buộc phải thuê một đơn vị tư vấn có đầy đủ tư cách độc lập về tổ chức và tài chính với Đơn vị quản lý tài sản/Người mua. Trong trường hợp không có giám sát độc lập, Đơn vị quản lý tài sản/Người mua phải tổ chức bộ máy độc lập nội bộ để giám sát và đảm bảo chất lượng công việc thực hiện.

Điều 24. Chỉ định thầu

1. Trong trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu, cho phép áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn theo Quy định của Luật Đấu thầu.

2. Khi lập KHLCNT, nội dung tờ trình và quyết định phê duyệt KHLCNT phải bao gồm tên, địa chỉ, thông tin sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà thầu dự kiến chỉ định thầu phù hợp với mục tiêu của gói thầu.

3. Quy trình chỉ định thầu đối với gói thầu xử lý sự cố

a) Người mua hoặc đơn vị trực tiếp có trách nhiệm quản lý gói thầu xác định và giao cho nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm thực hiện ngay gói thầu để ngăn chặn và hạn chế tối đa các thiệt hại.

b) Trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu bao gồm: Chuẩn bị và gửi bản dự thảo hợp đồng cho nhà thầu trong đó xác định yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được và giá trị tương ứng để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Trên cơ sở kết quả thương thảo, Người mua hoặc cơ quan trực tiếp có trách nhiệm quản lý gói thầu phê duyệt kết quả chỉ định thầu và ký kết hợp đồng với nhà thầu được chỉ định thầu.

c) Song song với việc khắc phục ngay hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố bất khả kháng, Người mua hoặc đơn vị trực tiếp có trách nhiệm quản lý gói thầu cần lập KHLCNT thực hiện toàn bộ công việc tiếp theo (nếu có) nhằm đảm bảo an toàn lâu dài cho công trình tránh sự cố tương tự có thể xảy ra, nội dung KHLCNT có bao gồm cả công việc đã huy động các nhà thầu xử lý (thuộc phần công việc đã thực hiện) trình Người có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 25. Ký Hợp đồng trực tiếp

1. Hình thức ký Hợp đồng trực tiếp được áp dụng trong trường hợp:

a) Hoạt động mua khí đốt ký kết với đơn vị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định;

b) Các hoạt động mua sắm gồm:

- (i) Thuê tư vấn pháp lý/tư vấn luật hỗ trợ các hoạt động SXKD của EVN và các đơn vị;
- (ii) Các hoạt động phục vụ công tác truyền thông, thương hiệu, quan hệ công chúng của EVN và các đơn vị;
- (iii) Các chương trình nghiên cứu, bao gồm cả thuê tư vấn nghiên cứu phương án phát triển trung và dài hạn cho các lĩnh vực đầu tư, cải tiến quản lý và tối ưu hóa quy trình quản lý, SXKD; dịch vụ đảm bảo an toàn, an ninh thông tin do các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp;
- (iv) Công tác đào tạo;
- (v) Mua dữ liệu phục vụ công tác quản lý của lãnh đạo EVN và các đơn vị;
- (vi) Công tác thí nghiệm định kỳ, thí nghiệm mẫu cấp lực, kiểm định định kỳ, kiểm định mới công tơ, các phương tiện đo, hệ thống đo đếm điện năng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị thí nghiệm sử dụng nguồn vốn SXKD của EVN và các đơn vị thành viên EVN như sau: EVN, các đơn vị thành viên EVN và các công ty TNHH MTV của các Công ty TNHH MTV cấp II được phép ký hợp đồng trực tiếp với Công ty

trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thí nghiệm điện do các Tổng công ty Điện lực nắm giữ 100% vốn điều lệ đối với các phạm vi công tác nêu trên thực hiện tại đơn vị mình;

- (vii) Hoạt động khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên;
- (viii) Hoạt động thuê văn phòng làm việc;
- (ix) Mua/thuê công cụ lập trình, licence trong trường hợp đơn vị sở hữu công cụ lập trình/licence không có đại lý tại Việt Nam;
- (x) Công tác điều dưỡng, phục hồi chức năng lao động cho cán bộ công nhân viên;
- (xi) Bảo hiểm, bảo trì/bảo dưỡng xe cơ giới;
- (xii) Mua vé máy bay.

2. Khi thực hiện hình thức này, các bên sẽ tiến hành đàm phán các nội dung của Hợp đồng căn cứ trên Hợp đồng nguyên tắc hoặc Thỏa thuận khung (nếu có), nhu cầu và khả năng cung cấp của các bên, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trừ trường hợp ký Hợp đồng trực tiếp đối với các hoạt động tại mục a) Khoản 1 Điều này, Bên mời thầu phải trình Người Mua phê duyệt chủ trương mua sắm, phạm vi công việc, dự toán, đơn vị dự kiến thực hiện hợp đồng (kèm theo tóm tắt năng lực, kinh nghiệm) trước khi tiến hành đàm phán và ký Hợp đồng trực tiếp. Quy trình ký Hợp đồng trực tiếp như Phụ lục 1 kèm theo.

4. Đối với các hợp đồng truyền thông/quảng cáo/tài trợ phục vụ công tác truyền thông thì không áp dụng quy trình như nêu tại Mục 3 Điều 25 nêu trên. Căn cứ chủ trương của Người mua phê duyệt bằng văn bản, đơn vị được giao ký hợp đồng truyền thông/quảng cáo/tài trợ phục vụ công tác truyền thông chuẩn bị dự thảo hợp đồng, thương thảo với đối tác, hoàn thiện hợp đồng trình Người mua thông qua kết quả thương thảo và ký hợp đồng.

Điều 26. Đấu thầu cạnh tranh có lựa chọn danh sách ngắn

1. Đấu thầu cạnh tranh có lựa chọn danh sách ngắn có thể áp dụng cho hoạt động mua than nhập khẩu, mua dầu đốt (DO, FO), mua đá vôi, thuê tư vấn luật của Tập đoàn Điện lực Việt Nam/các Tổng công ty và các hoạt động mua sắm khác phục vụ sản xuất kinh doanh (nếu phù hợp).

2. Quy trình đấu thầu cạnh tranh có lựa chọn danh sách ngắn (không áp dụng cho lựa chọn tư vấn luật của EVN và các Tổng công ty) cụ thể như sau:

a) Tổ chức sơ tuyển chọn danh sách các nhà cung cấp: căn cứ kế hoạch SXKD hàng năm, kế hoạch 5 năm, kế hoạch duy tu sửa chữa trung và dài hạn, Bên mời thầu tiến hành sơ tuyển lựa chọn danh sách ngắn các nhà thầu đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm cung cấp cho gói thầu mua sắm cần thực hiện và tiến hành ký Thỏa thuận khung với các nhà cung cấp trong danh sách ngắn này. Nội dung cơ bản của Thỏa thuận khung gồm chủ thể ký kết Hợp đồng, thời hạn Hợp đồng, quyền và trách

nhiệm của các bên. Kết quả sơ tuyển được dùng làm cơ sở cho việc mua sắm trong năm kế hoạch hoặc trong thời hạn phù hợp với kế hoạch kinh doanh, sản xuất vận hành của đơn vị.

b) Định kỳ (06 tháng, quý hoặc tháng), theo nhu cầu thực tế của đơn vị mình, căn cứ KHLCNT được duyệt, Bên mời thầu tiến hành việc mua sắm theo hình thức yêu cầu các nhà thầu trong danh sách ngắn chào giá để đánh giá, xếp hạng các Nhà thầu. Hợp đồng cung cấp được ký kết với Nhà thầu xếp thứ nhất.

3. Việc lựa chọn tư vấn luật của EVN và các Tổng công ty thực hiện như quy định tại Nghị quyết số 450/NQ-HĐTV ngày 10/8/2020 của HĐTV EVN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản này (nếu có). Quy trình thực hiện được minh họa tại Phụ lục 2 Quy chế này.

Điều 27. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

Trường hợp gói thầu có đặc thù riêng biệt mà không thể áp dụng các quy định nêu trên thì Đơn vị quản lý tài sản/Người mua phải lập phương án lựa chọn nhà thầu cụ thể để trình HĐTV EVN phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

Điều 28. Hình thức chào giá online

Áp dụng đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, xây lắp có thể thực hiện được thông qua Hệ thống phần mềm chào giá online của EVN. TGD EVN ban hành quy trình chi tiết hướng dẫn về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu này.

Điều 29. Mua sắm trực tiếp

1. Nguyên tắc mua sắm trực tiếp:

a) Chỉ áp dụng hình thức mua sắm trực tiếp trong trường hợp không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu có tính cạnh tranh khác.

b) Mua sắm trực tiếp chỉ được áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa tương tự của các đơn vị thành viên EVN.

c) Các gói thầu có nội dung, tính chất tương tự và tổng quy mô tất cả các gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp nhỏ hơn 130% so với gói thầu đã ký hợp đồng trước đó.

d) Đơn vị mua sắm trực tiếp có trách nhiệm thông báo đơn vị đã ký hợp đồng trước đó về quy mô gói thầu ký hợp đồng trực tiếp của đơn vị mình bằng văn bản.

e) Đơn vị đã ký hợp đồng trước đó có trách nhiệm ghi nhận tổng quy mô các gói thầu mua sắm trực tiếp được các đơn vị đã mua sắm trực tiếp thông báo và thông báo các đơn vị dự kiến mua sắm trực tiếp đảm bảo nguyên tắc như nêu tại mục c) khoản 1 Điều này.

2. Quy trình mua sắm trực tiếp: Quy trình mua sắm trực tiếp nêu tại Phụ lục 3.

CHƯƠNG 4

MUA SẮM TẬP TRUNG

Điều 30. Nguyên tắc trong mua sắm tập trung

1. Cấp thực hiện mua sắm tập trung:

a. EVN thực hiện mua sắm tập trung theo danh mục nêu tại Khoản 1 Điều 32 Quy chế này.

b. Các Tổng công ty thực hiện mua sắm tập trung cho các dự án/gói thầu của Tổng công ty và các đơn vị hoạch toán phụ thuộc của mình.

c. Các Công ty con là công ty TNHH MTV thuộc các Tổng công ty Điện lực thực hiện mua sắm tập trung tại cho các dự án/gói thầu của đơn vị mình và các đơn vị hoạch toán phụ thuộc đơn vị mình.

2. Việc mua sắm tập trung phải được thực hiện thông qua đơn vị/bộ phận mua sắm tập trung thuộc các cấp đơn vị thực hiện mua sắm tập trung. Các đơn vị thực hiện mua sắm tập trung tổ chức đơn vị/bộ phận chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung.

3. Đối với những hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung, đơn vị có nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ tuân thủ theo nội dung trong quyết định phê duyệt KQLCNT, nội dung thỏa thuận khung và ký kết hợp đồng với nhà thầu đã được lựa chọn thông qua mua sắm tập trung trên cơ sở thỏa thuận khung.

Điều 31. Hình thức thực hiện mua sắm tập trung

1. Mua sắm tập trung áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi.

2. Đơn vị/bộ phận mua sắm tập trung thực hiện việc ký hợp đồng với nhà thầu theo một trong hai cách sau:

a) Trực tiếp ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn; hoặc

b) Ký thỏa thuận khung, giao cho các đơn vị có nhu cầu ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu được chọn căn cứ nhu cầu đăng ký. Trong trường hợp này, HSMT phải kèm theo dự thảo thỏa thuận khung, dự thảo hợp đồng chi tiết.

Điều 32. Danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung

1. Bản quyền phần mềm, các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho các phần mềm thương mại sử dụng trong toàn Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam (như Oracle, Microsoft, và các sản phẩm tương tự).

2. Các đơn vị căn cứ quy mô, tính chất các hoạt động mua sắm trong đơn vị mình, tự lập danh mục và tổ chức mua sắm tập trung để tăng cường tính hiệu quả và đồng bộ của hoạt động mua sắm.

CHƯƠNG 5

MUA SẮM NHỎ LẺ

Điều 33. Mua sắm nhỏ lẻ

1. Mua sắm nhỏ lẻ là hoạt động mua sắm áp dụng đối với các hoạt động chi tiêu mua phụ tùng thay thế xe ô tô, xăng dầu ô tô, vật tư tiêu hao, vật dụng rẻ tiền, mau hỏng và mua sắm khác có giá trị mua sắm dưới 30 triệu đồng mỗi lần mua (tương đương một gói thầu).

2. Quy trình mua sắm

a) Căn cứ: đề xuất mua sắm được Người có thẩm quyền phê duyệt;

b) Triển khai mua sắm: Mua sắm trực tiếp ngoài thị trường đối với các sản phẩm sẵn có, niêm yết giá rõ ràng hoặc tham khảo ít nhất 03 báo giá để lựa chọn nhà cung cấp có báo giá thấp nhất. Trường hợp có giá cả bằng nhau thì căn cứ trên các điều kiện khác như bảo hành, hậu mãi... và lựa chọn mua của nhà cung cấp có điều kiện ưu đãi tốt nhất;

c) Hoạt động mua sắm này phải được tiến hành công khai, có chứng từ rõ ràng, đầy đủ.

CHƯƠNG 6

MUA SẮM NHIÊN LIỆU, ĐÁ VÔI VÀ DẦU MỠ KỸ THUẬT

Điều 34. Quy định chung

1. Việc mua sắm nhiên liệu, đá vôi và dầu mỡ kỹ thuật sử dụng tại các đơn vị sản xuất cần đảm bảo mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; đảm bảo dự trữ theo quy định; đảm bảo tính sẵn sàng, an toàn, ổn định và liên tục của các thiết bị và hoạt động sản xuất.

2. Nhiên liệu và dầu mỡ kỹ thuật được mua phải đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và các tiêu chuẩn kỹ thuật khác theo yêu cầu.

3. Căn cứ năng lực quản lý và điều kiện của từng đơn vị, khuyến khích từng bước tổ chức lựa chọn nhà thầu vận tải nhiên liệu than độc lập với công tác lựa chọn nhà cung cấp than trên cơ sở đảm bảo tính hiệu quả của công tác mua nhiên liệu. Hình thức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải theo một trong các hình thức sau:

a) Đấu thầu cạnh tranh có lựa chọn danh sách ngắn theo Điều 26 Chương 3 Quy chế này;

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu tương tự như dịch vụ phi tư vấn theo Quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 35. Nhiên liệu, đá vôi và dầu mỡ kỹ thuật

1. Nhiên liệu là toàn bộ các loại than, khí đốt và dầu đốt sử dụng để vận hành các máy móc, thiết bị của các đơn vị sản xuất, gồm:

a) Than các loại, phân thành 2 loại:

- i) Than trong nước;
- ii) Than nhập khẩu.

b) Khí các loại.

c) Dầu các loại.

2. Đá vôi phục vụ sản xuất điện.

3. Dầu mỡ kỹ thuật gồm dầu cách điện, dầu làm mát, dầu bôi trơn, mỡ các loại và dầu mỡ kỹ thuật khác sử dụng để vận hành, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị của các đơn vị sản xuất.

Điều 36. Mua than nhập khẩu

Trong KHLCNT, Người có thẩm quyền quyết định lựa chọn hình thức mua than nhập khẩu theo một trong các hình thức sau:

a) Đấu thầu cạnh tranh có lựa chọn danh sách ngắn theo Điều 26 Chương 3 Quy chế này;

b) Tổ chức mua sắm tương tự như mua sắm hàng hóa theo Quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 37. Mua than trong nước

1. Mua than trong nước được thực hiện theo hình thức ký hợp đồng trực tiếp theo quy định của Chính phủ. Khi có đủ điều kiện cần thiết việc mua than từng bước chuyển sang áp dụng các hình thức khác có tính cạnh tranh hơn trong quy trình mua nhiên liệu của quy chế này.

2. Mua than trong nước theo hình thức ký hợp đồng trực tiếp:

Việc mua than trong nước theo hình thức trên phục vụ sản xuất điện được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc:

a) Phù hợp với nội dung của Thỏa thuận khung (nếu có) về việc mua bán than. Để đảm bảo nguồn cung cấp than lâu dài và ổn định cho sản xuất, khuyến khích các đơn vị ký kết Thỏa thuận khung với doanh nghiệp kinh doanh than có thời hạn 5 năm, 10 năm... tùy theo điều kiện cụ thể;

b) Khối lượng và chủng loại than phải được duyệt trong kế hoạch hàng năm của đơn vị;

c) Nguồn than phải là nguồn than hợp pháp theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm đơn vị mua than trôi nổi trên thị trường, không rõ nguồn gốc xuất xứ và/hoặc mua của doanh nghiệp không có hoặc không đủ chức năng kinh doanh than theo quy định của pháp luật.

3. Hợp đồng mua bán than được lập theo quy định của pháp luật, thể hiện rõ một số nội dung chính:

a) Số lượng, chủng loại than theo TCVN hiện hành. Trường hợp có thay đổi kế hoạch sản xuất mà đơn vị cần tăng hoặc giảm số lượng đã ký, đơn vị thỏa thuận với doanh nghiệp kinh doanh than trong hợp đồng hàng năm về thời hạn thông báo trước để doanh nghiệp kinh doanh than có kế hoạch cân đối chuẩn bị nguồn hàng;

b) Chất lượng than: Các chỉ tiêu chất lượng của từng loại than thương phẩm theo TCVN hiện hành và đáp ứng yêu cầu thiết kế kỹ thuật của các nhà máy và/hoặc đáp ứng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đơn vị.

Điều 38. Mua sắm khí đốt các loại

Việc mua sắm khí đốt các loại được thực hiện theo một trong các hình thức sau:

a) Ký hợp đồng trực tiếp trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định về đầu mối cung cấp;

b) Đấu thầu cạnh tranh có lựa chọn danh sách ngắn theo Điều 26 Chương 3 của Quy chế này;

c) Tổ chức mua sắm tương tự như mua sắm hàng hoá theo Quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 39. Mua sắm dầu đốt (FO, DO) và đá vôi

Việc mua sắm dầu đốt (FO, DO) và đá vôi áp dụng hình thức đấu thầu cạnh tranh có lựa chọn danh sách ngắn hoặc hình thức đấu thầu rộng rãi khi cần thiết.

Điều 40. Mua sắm dầu mỡ kỹ thuật

Việc mua sắm dầu mỡ kỹ thuật tuân thủ theo quy trình mua sắm quy định trong Quy chế này.

CHƯƠNG 7

SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Điều 41. Sửa chữa tài sản cố định

1. Công tác sửa chữa TSCĐ phải tuân thủ quy định tại Chương 7 Quy chế này và các quy định liên quan khác của EVN về sửa chữa TSCĐ.

2. Cơ sở triển khai thực hiện sửa chữa TSCĐ

a) Trên cơ sở kế hoạch SXKD hàng năm, Đơn vị quản lý tài sản tiến hành lập và trình Người có thẩm quyền phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa TSCĐ.

b) Căn cứ dự toán và phương án kỹ thuật sửa chữa TSCĐ được duyệt, Đơn vị quản lý tài sản lập KHLCNT làm cơ sở triển khai lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đủ cơ sở để lập KHLCNT sau khi chủ trương/phương án được chấp thuận mà cần phải lựa chọn các nhà tư vấn khảo sát, thiết kế công tác sửa chữa TSCĐ, Đơn vị

quản lý tài sản đó lập KHLCNT cho công việc chuẩn bị này trình Người có thẩm quyền phê duyệt để triển khai lựa chọn nhà tư vấn. Đối với các công việc sửa chữa TSCĐ được giao, EVNPSC lập KHLCNT trình Người có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở dự toán và phương án kỹ thuật sửa chữa tài sản cố định được duyệt.

c) Việc mua sắm trong sửa chữa TSCĐ chỉ được tiến hành trên cơ sở KHLCNT đã được phê duyệt trừ trường hợp phải thực hiện ngay được quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp phải thực hiện sửa chữa TSCĐ để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố bất khả kháng hoặc để tránh gây nguy hại trực tiếp đến tính mạng, sức khoẻ và tài sản của cộng đồng dân cư trên địa bàn hoặc để không ảnh hưởng nghiêm trọng đến công trình liền kề thì tổ chức chỉ định thầu rút gọn theo Quy định của Luật Đấu thầu và Khoản 3 Điều 24 Quy chế này.

CHƯƠNG 8

MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

Điều 42. Các chương trình khôi phục và bảo vệ môi trường

Chương trình khôi phục và bảo vệ môi trường gồm các hoạt động trồng rừng, các chương trình cải tiến quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa, xử lý chất lượng phát thải và các hoạt động tương tự nhằm mục đích khôi phục và bảo vệ môi trường trong các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh được thực hiện theo quy trình sửa chữa tài sản cố định quy định tại Chương 7 Quy chế này.

Điều 43. Công tác kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm

HĐTV EVN phê duyệt KHLCNT, HSMT và KQLCNT đối với hoạt động thuê đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của EVN và các Công ty TNHH MTV cấp II.

CHƯƠNG 9

XỬ LÝ VI PHẠM TRONG ĐẤU THẦU VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Điều 44. Xử lý vi phạm trong đấu thầu và thực hiện hợp đồng

1. Xử lý vi phạm trong quá trình đấu thầu: các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về đấu thầu sẽ bị xử lý theo quy định về xử lý vi phạm theo Quy định của Luật Đấu thầu. Các nhà thầu bị xử lý vi phạm trong quá trình đấu thầu sẽ bị xem xét đưa vào danh sách cấm tham gia đấu thầu do EVN hoặc đơn vị thành viên EVN ban hành tương tự như nêu tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều này.

2. Xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng:

Các đối tượng bị xem xét đưa vào danh sách cấm tham gia đấu thầu:

a. Các nhà thầu có sai phạm nghiêm trọng (liên quan đến chất lượng và/hoặc tiến độ) được ghi nhận bằng văn bản bởi đơn vị được Người mua giao quản lý thực hiện Hợp đồng;

b. Các nhà thầu bị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do lỗi của nhà thầu theo quy định tại Hợp đồng;

3. Cấp có thẩm quyền quyết định xử lý vi phạm: Người có thẩm quyền sẽ ban hành quyết định danh sách các nhà thầu bị cấm tham gia đấu thầu và thời gian cấm đối với từng nhà thầu.

4. Thời gian cấm tham gia đấu thầu: Tùy theo loại vi phạm và mức độ vi phạm, thời gian cấm tham gia đấu thầu là 01 năm, 03 năm hoặc 05 năm.

5. Phạm vi áp dụng việc cấm tham gia đấu thầu:

Tất cả các nhà thầu có tên trong danh sách cấm tham gia đấu thầu do EVN/Công ty TNHH MTV cấp II/Công ty TNHH MTV cấp III ban hành sẽ bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với tất cả các gói thầu do EVN/ Công ty TNHH MTV cấp II/Công ty TNHH MTV cấp III làm Người mua.

6. Trách nhiệm thực hiện xử lý vi phạm:

Khi phát hiện vi phạm bởi nhà thầu, Bên mời thầu hoặc đơn vị được Người mua giao quản lý thực hiện Hợp đồng chịu trách nhiệm ghi nhận bằng văn bản, thông báo cho Nhà thầu và báo cáo Người mua trình Người có thẩm quyền quyết định xử lý vi phạm.

7. Đăng tải danh sách các nhà thầu có tên trong danh sách cấm tham gia đấu thầu:

Sau khi tiến hành xử lý vi phạm trong đấu thầu, các đơn vị phải gửi tên các nhà thầu đã bị xử lý vi phạm về EVN để tiến hành cập nhật danh sách các nhà thầu bị xử lý vi phạm trên trang thông tin đấu thầu của EVN.

CHƯƠNG 10

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế các nội dung của Quy chế về công tác đấu thầu sử dụng chi phí SXKD trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-EVN ngày 26/7/2017 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

2. Các gói thầu thực hiện theo KHLCNT phê duyệt trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực được thực hiện theo quy định của Quy chế về công tác đấu thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-EVN ngày 26/7/2017 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3. Các hoạt động mua sắm đã được HĐTV EVN thông qua phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 27 Quy chế về công tác đấu thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-EVN ngày 26/7/2017 còn hiệu lực cho đến trước thời điểm Quy chế này bắt đầu có hiệu lực sẽ được coi là các các hoạt động mua sắm đã được HĐTV EVN thông qua phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 27 Quy chế này.

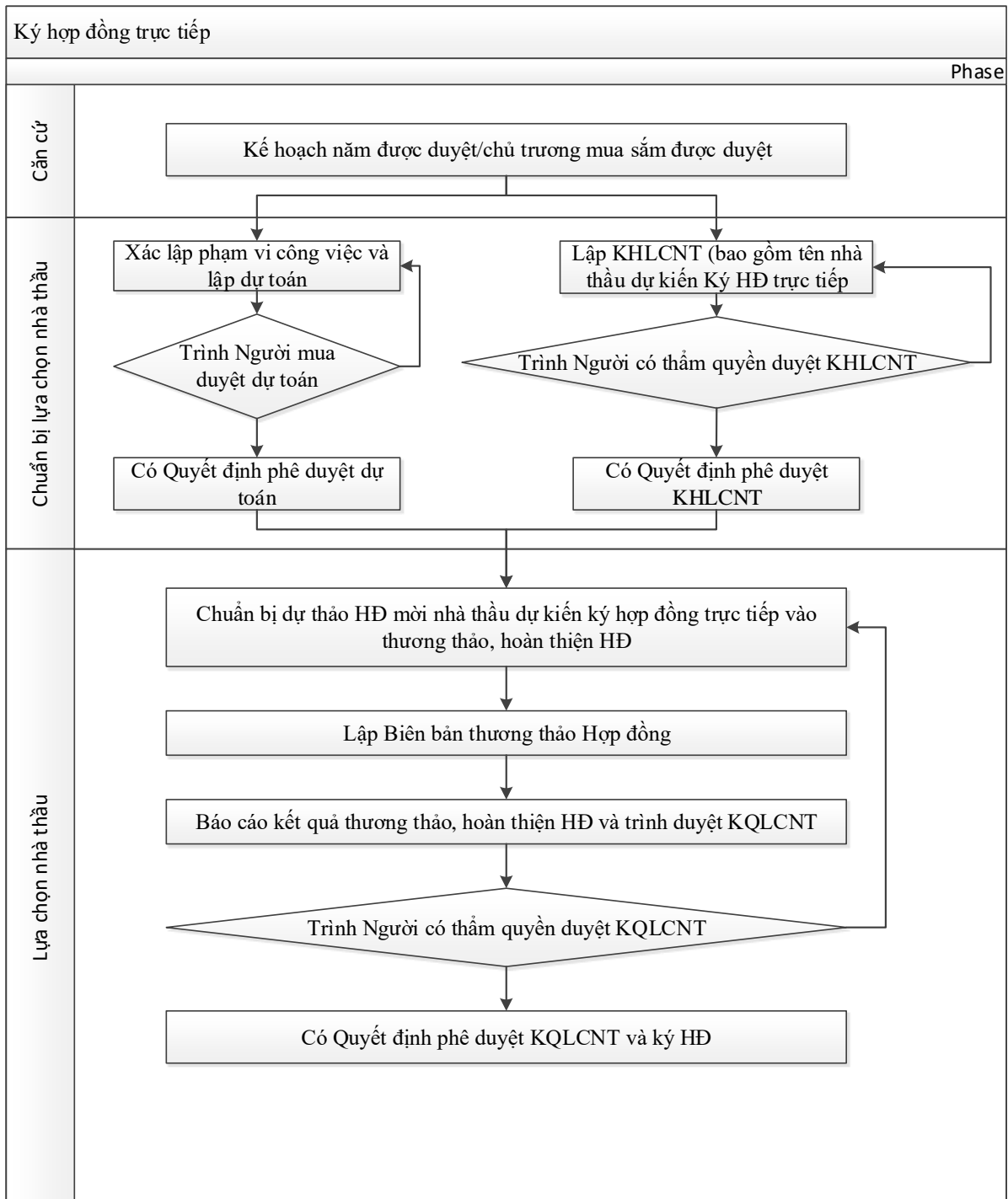
Điều 46. Tổ chức thực hiện

1. Tổng giám đốc EVN, các Phó Tổng giám đốc EVN, Trưởng các ban thuộc Hội đồng thành viên EVN, Chánh Văn phòng, Trưởng các ban chức năng thuộc Cơ quan EVN, Giám đốc các đơn vị trực thuộc EVN; Hội đồng thành viên/Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc/Giám đốc Công ty TNHH MTV cấp II và Công ty TNHH MTV cấp III; Người đại diện phần vốn của EVN, của Công ty TNHH MTV cấp II tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành quy trình mua than nhập khẩu thống nhất cho các đơn vị áp dụng.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần bổ sung, hiệu chỉnh, các đơn vị báo cáo về Tập đoàn để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Phụ lục 1: Quy trình Ký hợp đồng trực tiếp



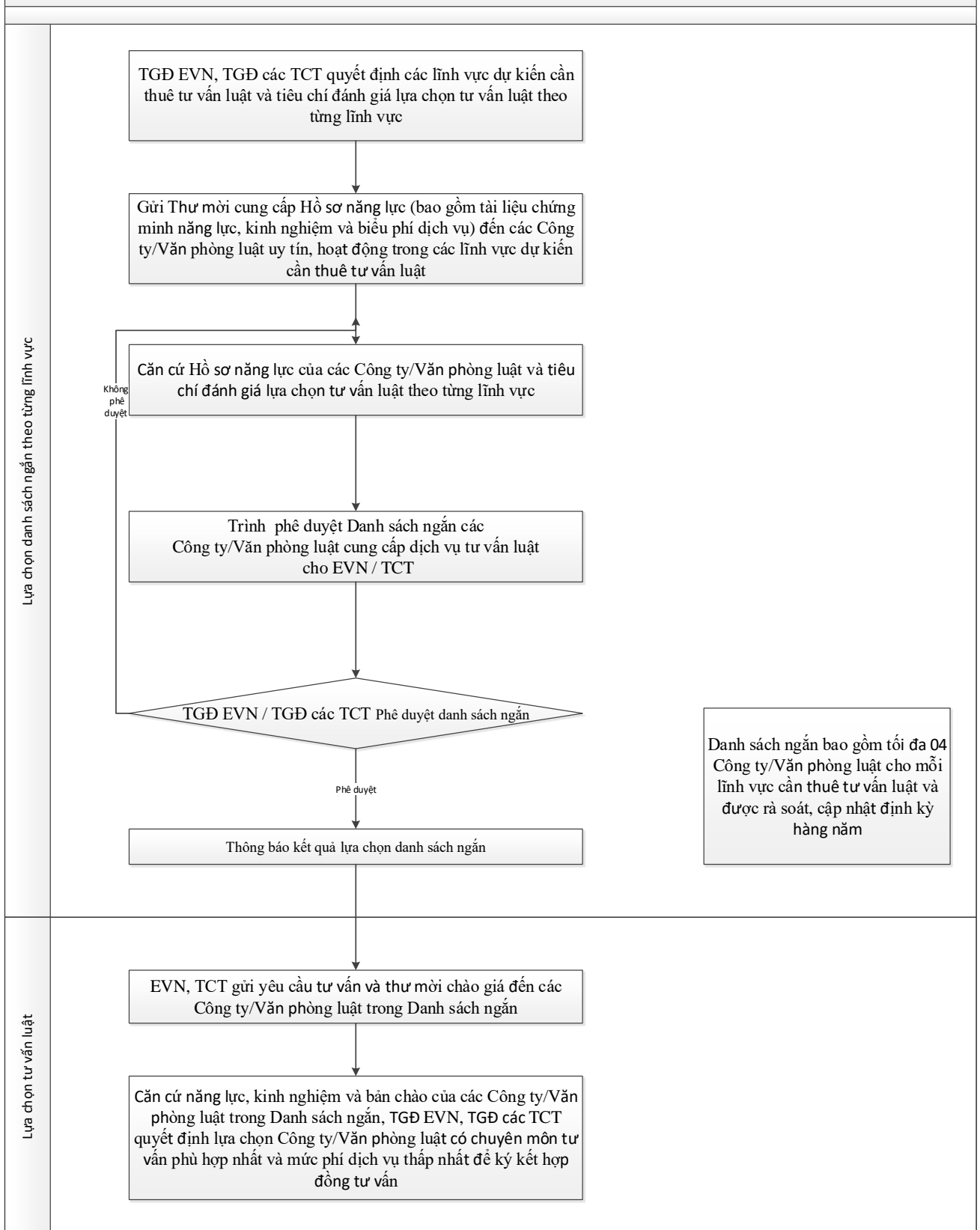
Lưu ý:

- Có thể thực hiện riêng lẻ hoặc đồng thời các bước lập và duyệt chủ trương mua sắm, phạm vi công việc, dự toán chi phí và KHLCNT nhà thầu.

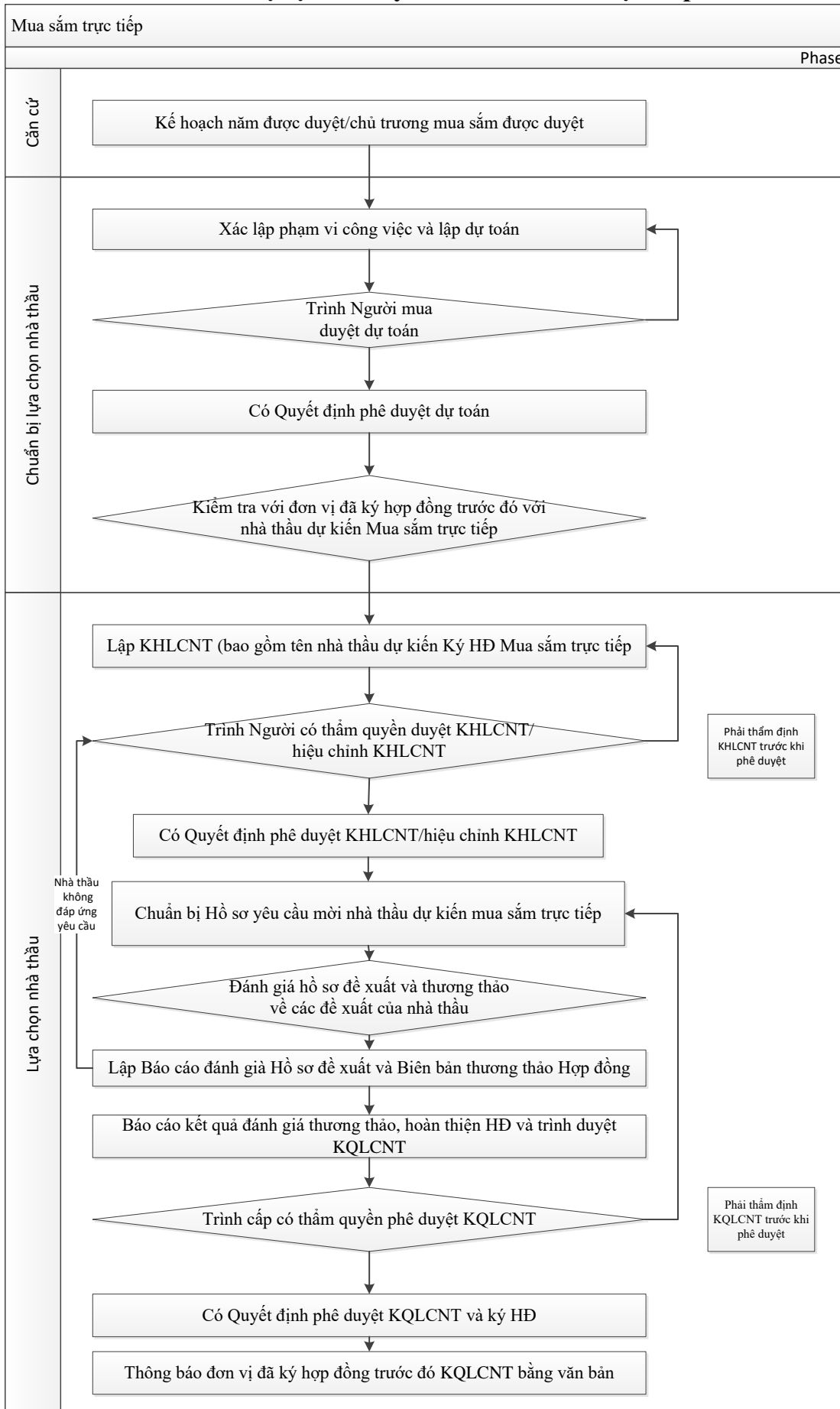
- KHLCNT phải được thẩm định trước khi phê duyệt. KQLCNT không bắt buộc phải tiến hành thẩm định. Người mua và đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm đảm bảo tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

Phụ lục 2: Quy trình lựa chọn tư vấn luật hỗ trợ các hoạt động SXKD của EVN và các Tổng Công ty

Lựa chọn tư vấn luật hỗ trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh của EVN và các Tổng công ty



Phụ lục 3: Quy trình Mua sắm trực tiếp



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ	2
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng	3
Điều 4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	4
Điều 5. Thỏa thuận của EVN về các nội dung chính trong đấu thầu	4
CHƯƠNG 2	4
LỰA CHỌN NHÀ THẦU	4
Điều 6. Quy trình lựa chọn nhà thầu	4
Điều 7. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu	4
Điều 8. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.....	4
Điều 9. Hồ sơ mời thầu và tiêu chuẩn đánh giá thầu.....	5
Điều 10. Tổ chuyên gia.....	6
Điều 11. Mở thầu.....	6
Điều 12. Đánh giá HSDT	7
Điều 13. Thẩm định	7
Điều 14. Đấu thầu đồng thời 02 hoặc nhiều gói thầu.....	7
Điều 15. Hợp đồng.....	8
Điều 16. Lựa chọn nhà thầu qua mạng.....	8
Điều 17. Thanh tra, kiểm tra trong đấu thầu.....	9
Điều 18. Báo cáo, lưu trữ và bảo mật	9
Điều 19. Thông tin Đấu thầu	9
Điều 20. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	9
CHƯƠNG 3	10
CÁC HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU	10
Điều 21. Nguyên tắc chung	10
Điều 22. Chào hàng cạnh tranh	10
Điều 23. Tự thực hiện.....	10
Điều 24. Chỉ định thầu.....	10
Điều 25. Ký Hợp đồng trực tiếp	11
Điều 26. Đấu thầu cạnh tranh có lựa chọn danh sách ngắn.....	12
Điều 27. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.....	13
Điều 28. Hình thức chào giá online	13
Điều 29. Mua sắm trực tiếp	13
CHƯƠNG 4	14
MUA SẮM TẬP TRUNG	14
Điều 30. Nguyên tắc trong mua sắm tập trung.....	14
Điều 31. Hình thức thực hiện mua sắm tập trung.....	14

Điều 32. Danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung.....	14
CHƯƠNG 5.....	15
MUA SẮM NHỎ LẺ	15
Điều 33. Mua sắm nhỏ lẻ.....	15
CHƯƠNG 6.....	15
MUA SẮM NHIÊN LIỆU, ĐÁ VÔI VÀ DẦU MỠ KỸ THUẬT.....	15
Điều 34. Quy định chung.....	15
Điều 35. Nhiên liệu, đá vôi và dầu mỡ kỹ thuật.....	16
Điều 36. Mua than nhập khẩu.....	16
Điều 37. Mua than trong nước.....	16
Điều 38. Mua sắm khí đốt các loại.....	17
Điều 39. Mua sắm dầu đốt (FO, DO) và đá vôi.....	17
Điều 40. Mua sắm dầu mỡ kỹ thuật.....	17
CHƯƠNG 7.....	17
SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.....	17
Điều 41. Sửa chữa tài sản cố định.....	17
CHƯƠNG 8.....	18
MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC.....	18
Điều 42. Các chương trình khôi phục và bảo vệ môi trường.....	18
Điều 43. Công tác kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm.....	18
CHƯƠNG 9.....	18
XỬ LÝ VI PHẠM TRONG ĐẤU THẦU VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG..	18
Điều 44. Xử lý vi phạm trong đấu thầu và thực hiện hợp đồng.....	18
CHƯƠNG 10.....	19
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	19
Điều 45. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp.....	19
Điều 46. Tổ chức thực hiện.....	20
Phụ lục 1: Quy trình Ký hợp đồng trực tiếp.....	21
Phụ lục 2: Quy trình lựa chọn tư vấn luật hỗ trợ các hoạt động SXKD của EVN và các Tổng Công ty.....	22
Phụ lục 3: Quy trình Mua sắm trực tiếp.....	23